

ODP CHECK FORM

Date: 4/27/79

To: MR. DANIEL SULLIVAN
RP/RAP/SEA (ODP)
Department of State
Washington, D.C. 20520

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O.BOX 5435 - Arlington, Virginia 22205-0635

Name: LE VĂN BÉ TỬ

Date of Birth: 1948

Address in VN 206 TÔ II Ấp Phụng I Thị Trấn Thốt Nốt
Tỉnh Hậu Giang -

Spouse Name: TRIỆU THỊ ĐẾU

Number of Accompanying Relatives: _____

Reeducation Time: 6 Years Months Days

IV # _____

VEWL # _____

I-171 : Yes: No. - EXIT PERMIT: Yes ; No.

Special List # _____

Sponsor: Nguyễn Văn Sáu

Remarks:
(From Mr. Sullivan)

Sincerely,

KHUC MINH THO

Tel. # _____



TRIỆU THỊ ĐẸU
1955

LÊ THỊ ĐIỂM TRANG
1973

LÊ VĂN BÈ-TU
1948

LÊ THỊ ĐIỂM KIỀU
1985

Ngoc Son



Khuê Minh Thôi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **381051808**

Họ tên **LÊ VĂN BÈ TỬ**



Sinh ngày **01-05-1948**

Nguyên quán **Trung Nhứt,**

Thốt Nốt, Hậu Giang,

Nơi thường trú **Trần Thốt Nốt**

Thốt Nốt, Hậu Giang.

ĐƠN GIẢN

ĐẤU VẾT BÀN NGỒI HOẶC DỊ HÌNH

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

ĐƠN GIẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **34045835**

Họ tên **TRIỆU-THỊ-ĐEU.**



Sinh ngày **1955**

Nguyên quán **Bình-An-Trung,
Lập-Vò, Đồng Tháp.**

Nơi thường trú **Bình-Bình,
An-Trung, Lập-Vò, Đ-Tháp.**

Dân tộc: Việt Nam Tôn giáo: Hồi Giáo

ĐẠI VIỆT MIỀN NG HOẶC DI HÌNH

NGON TROU LAI

NGON TROU PHAI

Đã được cấp: 2:00, 10
0, 00: 00, 00
0, 00: 00, 00
0, 00: 00, 00

Đã được cấp: tháng 12 năm 1900

Đã được cấp: TRƯỞNG TY CÔNG AN



Thư Xoa

Nô Chai Xoa

Tỉnh, Thành phố

Quận, Huyện

Xã, Phường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyền số 02

Số 90

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ

Sinh ngày

Quê quán

Nơi đăng ký thường trú

Nghề nghiệp

Dân tộc

Số CMND hoặc Hộ chiếu

TRẦN THỊ BÈ

1955

Bồng Thập

Bồng Thập

Bồng Thập

Việt Nam

Việt Nam

341458351

Họ và tên người chồng

Sinh ngày

Quê quán

Nơi đăng ký thường trú

Nghề nghiệp

Dân tộc

Số CMND hoặc Hộ chiếu

LÊ VĂN BÈ-TỬ

1948

Thốt Nốt - Hậu Giang

206 T. Trần Thốt Nốt

Công Nhân

Việt Nam

Việt Nam

361051806

Kết hôn ngày 05 tháng 8 năm 1985

Chữ ký người vợ

Chữ ký người chồng



Nguyễn Long Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

VIỆT - NAM CỘNG - HOÀ
République du Việt-Nam

BỘ TƯ - PHÁP
Département de la Justice

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ HCM. ANGIANG

SỞ TƯ - PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud Việt-Nam

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Xã Trung-thiết

(Extrait du registre des actes de naissance)

TỈNH ANGIANG

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1948
(Année)

SỐ HIỆU 10
(Acte No)

ngày 26-8-1960

523-DI/539-DD

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Ấn thể vì khai sanh cho : <u>Lê-văn-Bá-Tư</u>
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	<u>Tòa B. ANGIANG</u> từ về việc họ trong
Sanh ngày nào (Date de naissance)	phiên họp công khai ngày <u>26-8-1960</u>
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	sở có các ông : <u>Thánh-ân-Trung-thiết</u> , <u>Lục-Sự : Nguyễn-hình-Chiêu</u> đã lên bàn
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Ấn như sau đây : <u>Ban - Ấn Tòa - Ấn</u>
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	<u>Bổi Táo Lê Ấy :</u> <u>Phan rằng : Lê-văn-Bá-Tư, nam, sanh ngày</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>5 tháng 1 năm 1948 (5-1-1948) tại xã</u> <u>Trung-thiết (Angiang) là con chánh thê và</u>
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	<u>của Lê-văn-Thêm và Nguyễn-thị-Hạnh.</u> <u>Phan rằng ấn thể vì khai sanh cho :</u>
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	<u>Lê-văn-Bá-Tư.</u> <u>Ký tên : Thánh-ân-Trung-thiết, Nguyễn-hình-Chiêu</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Quốc Y.</u>
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	<u>Long-Y-vân, ngày 13-10-1960</u>
	<u>Chánh-lục-sự</u>
	<u>Ấn ký : Bùi-Trung-thiết</u>

Chúng tôi. Trần Trung-thiết
(Nous)

Chánh-án Toà HCM. ANGIANG
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Trần-Bá-Hồ
(M.)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme),

ANGIANG, ngày 13-11-1960 7

CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF),

ANGIANG, ngày 13-11-1960 7

CHÁNH-ÁN
(LE PRÉSIDENT)

Giá tiền : 2000

(Coût)

Biên-lai số : 3262

(Quittance No)

TRẦN-TRUNG-HẬU



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

Hội Đồng Quản Trị
Board of Directors

DATE: _____

KHÚC MINH THO
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIỆP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Orderly Departure Program
American Embassy, Box 58
APO San Francisco 96346-0001

Re: LE VAN BE TU.

Date of Birth: 1948

IV # : NEED IV # NEED LOI #

Length of Time in Re-education Camp 6 yrs.

Ban Chấp Hành T.Ư.
Executive Board

KHÚC MINH THO
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Dear Sir/Madam:

Upon request from the family of the above referenced former re-education camp detainee in Vietnam, I am forwarding to you the enclosed document(s) to complete his record with your office. I trust that the document(s) will be sufficient.

Cố Vấn Đoàn
Advisory Committee

HIỆP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

Should you have any additional questions and/or concerns, please feel free to contact us at the above address.

Thank you very much for your kind attention and assistance in the processing of this applicant.

Sincerely yours,

(Mrs.) Khúc Minh Tho
President

Enclosures

NOTE: This applicant has been sponsored by NGUYEN VAN SAU.
as shown in the attachments.

It is also requested that the Letter Of Introduction be sent to our Association at the address that appears above.

U.B.N.D.T.HAU GIANG.

50 02

GIẤY CÀ TRAI

Căn cứ chỉ thị số 51-VPTq ngày 22-03-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và được lệnh của Bộ trưởng Bộ Công an, Tổng cục Cảnh sát Quốc gia đã tiến hành kiểm tra, đánh giá về công tác quản lý, vận chuyển vũ khí, thuốc nổ tại các đơn vị thuộc địa phương và thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ thẩm tra của Bộ Quốc phòng — Nội vụ số 34C ngày 24/06/76
và việc chấp hành chỉ thị ngày 22-03-77 của Thủ tướng Chính phủ.

73/TEXT 26/08/81

എ

UW. U.B.N.D.T. HAU GIANG.

CẤP GIẤY RA TRAI

-Ho và tên LE VAN BASTU.

1948

Nốt Nốt Hậu Giang,

ấp Phụng Thạnh, Trung nhứt, Thốt Nốt, Hậu Giang,

Sĩ Quan quân báo được quy định trong hệ thống quân sự và các tổ chức chính trị khác của quân đội để đảm bảo:

Trung úy Sĩ Quan quân báo.

- Khi vẽ phải chú ý cân bằng giấy này với Ủy Ban Nhân Dân và Công nhân xã
Phường Trung nhưt thuộc huyện

Quận: Thốt Nốt Tỉnh: ~~XXXXXX~~ Hậu Giang,

và phải làm theo các nguyên tắc của Ban An ninh Dân Thành, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các nội quản lý khác.

— Thời hạn giao chỗ: (1 tháng)

Thật là đáng buồn! ngày (kể từ nay) kể giờ ra trận).

— Tiền và lương thực đi đường ở

1/20/68 1600 000 1500 0000

CHU TCH

2000 2001 2002

ocean chair

Dưới sự có mặt của
quân và dân tại chỗ

Đã tiến hành ngày 18/9/81

T.M. PHANOTT

phó CB

Nguyễn Văn Sơn

Nguyễn Văn Sơn

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: AUG. 19. 1988

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : LÊ VĂN BÉ-TU Sex: MALE
Phái ---
2. Other Names
Họ, tên khác : NO
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 1948, TRUNG NHẤT VILLAGE, THỐT NỐT DISTRICT, ANGIANG PROVINCE.
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 206, TÔ II, ẤP PHUNG I, THỊ TRẤN THỐT NỐT, HUYỆN THỐT NỐT, TỈNH HẬU GIANG.
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 230, TÔ I A, ẤP LONG A, THỊ TRẤN THỐT NỐT, HUYỆN THỐT NỐT, TỈNH HẬU GIANG.
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : HELP TO WORK FOR THE OTHER

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>TRIỆU THỊ ĐẼU</u>	<u>1955</u>	<u>LẬP VÔ-ĐÔNG THÁP (F)</u>	<u>M</u>	<u>M</u>	<u>WIFE</u>
2. <u>LÊ THỊ DIỄM-TRANG</u>	<u>1973</u>	<u>LÊ TRUNG-PLEIKU (F)</u>	<u>S</u>	<u>S</u>	<u>DAUGHTER</u>
3. <u>LÊ THỊ DIỄM-KIỀU</u>	<u>1986</u>	<u>THỐT NỐT-HẬU GIANG (F)</u>	<u>S</u>	<u>S</u>	<u>DAUGHTER</u>
4. _____	_____	_____	_____	_____	_____
5. _____	_____	_____	_____	_____	_____
6. _____	_____	_____	_____	_____	_____
7. _____	_____	_____	_____	_____	_____
8. _____	_____	_____	_____	_____	_____
9. _____	_____	_____	_____	_____	_____
10. _____	_____	_____	_____	_____	_____
11. _____	_____	_____	_____	_____	_____
12. _____	_____	_____	_____	_____	_____

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	: NGUYỄN VĂN SÁU	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	: UNCLE	
c. Address Địa-chỉ	:	
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	: 1981	
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	: NO	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	: LÊ VĂN THẨM, 77 YEARS OLD, LIVING
2. Mother Mẹ	: NGUYỄN THỊ HẠNH, 70 YEARS OLD, LIVING
3. Spouse Vợ/Chồng	: TRIỆU THỊ ĐẼU, 33 YEARS OLD, LIVING, INTER WORKING
4. Former Spouse (if any) Vợ/Chồng trước (nếu có):	: NGUYỄN THỊ PHÚC, 35 YEARS OLD, SHE GOT THE OTHER MARRIAGE. SINCE 1977 WHEN I HAVE BEEN RE-EDUCATION CAMP. UNTIL NOW I DON'T OVER RELATIH ER
5. Children Con cái:	(1) LÊ THỊ DIỄM - TRANG - 1973 - LIVING - STUDENT
	(2) LÊ THỊ DIỄM - KIỀU 1986 LIVING
	(3)
	(4)
	(5)
	(6)
	(7)
	(8)
	(9)
6. Siblings Anh chị em:	(1) LÊ THỊ XUÂN, 48 YEARS OLD, LIVING, OUT OF WORK
	(2) LÊ THỊ TĂNG, 46 YEARS OLD, LIVING, SALE
	(3) LÊ VĂN SÁU, 36 YEARS OLD, LIVING, PAINTER
	(4) LÊ THỊ TÔ - HOA - DEAD
	(5) LÊ LÊ HOA, 28 YEARS OLD, LIVING, SALE
	(6)
	(7)
	(8)

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name NO
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving LÊ VĂN BÉ-TU
Họ tên người tham-gia: _____

2. Dates: From: MARS. 1969 To: APRIL 30. 1975
Ngày, tháng, năm Từ _____ Đến _____

3. Last Rank FIRST LEUTENANT Serial Number: 68/145777
Cấp-bậc cuối-cùng INTELLIGENT MILITARY số thẻ nhân-viên: CODE 930.0

4. Ministry/Office/Military Unit - CONCENTRATION INVESTIGATION V.C. PRISONER
Bộ/số/Đồn-Vị Binh-Chung - CORPS II AREA 2.
- SECTION 2 - ANGIANG SMALL AREA
- MAJOR HÀ VĂN THANH + MAJOR NGUYỄN VĂN THANH
- CAPTAIN NGUYỄN HỮU ĐỨC - SECTION 2 - LEADER
5. Name of Supervisor/C.O. - ANGIANG SMALL AREA.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan -
chỉ-huy -

6. Reason for Separation : AFTER APRIL 30, 1975, SOUTH VIETNAM REGIME
Lý do nghỉ việc : CHANGING

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đồng sự có không? Có Không .)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address :

Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Tới:

4. Description of Courses :

Mô-tả ngành học :

5. Who paid for training? :

AI đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không .)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo :

LÊ VĂN BẾ - TỬ

2. Time in Reeducation: From: MAY 01, 1975

To: SEPTEMBER 16, 1981

Thời gian học-tập

Từ:

Tới:

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

NO (RELEASED)

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks/Chú ý phụ-thuộc

I WAS AN INTELLIGENT OFFICER OF FORMER REGIME.

NOW THE AUTHORITY OF SOUTH V.N. CHANGED, PLEASE THE

UNITED STATE HELP ME TO LEAVE FOR V.N. TO U.S.

THANKS A LOT.

Signature

Ký tên :

Date

Ngày:

AUG. 19, 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1. RELEASED PAPER

2. CERTIFICATE MILITARY TRUCK

3. IDENTIFICATION CARD OF ME

4. IDENTIFICATION CARD OF MY WIFE

5. BIRTH CERTIFICATE OF ME

6. LỆ THỊ ĐIỂM TRANG + LỆ THỊ ĐIỂM KIỀU
BIRTH CERTIFICATE

7. DAUGHTER IDENTIFICATION PAPER OF
FORMER WIFE

8. 08 PHOTOS OF 4 PERSONS

BẰNG LÁI QUÂN-XA

SỐ 0120

Cấp cho (1) LE-VAN-BE-TU

Cấp-bậc Chuẩn-ủy s.q 145.777

Sinh ngày 1948

Tại tỉnh AN-GIANG

Đơn-vị bổ-nhậm KBC. 4.579.

Đơn-vị Huấn-luyện / .

KBC. 4.579 ngày 24-12-70

Đoàn-ủy NGUYỄN-VĂN-TỔ



CHÁNH CHỦ KHẢO

[Signature]

(1) Tên, Họ. (2) Tên, Họ, Cấp-bậc.

GHI CHÚ GIA HIỆU .

Được phép lái

Tại ngày

(2)

CHÁNH CHỦ KHẢO

SỐ

Được phép lái

Tại ngày

(2)

CHÁNH CHỦ KHẢO

SỐ

Được phép lái

Tại ngày

(2)

CHÁNH CHỦ KHẢO

SỐ

GHI CHÚ GIA HIỆU

Được phép lái

Tại ngày

(2)

CHÁNH CHỦ KHẢO

SỐ

Được phép lái

Tại ngày

(2)

CHÁNH CHỦ KHẢO

SỐ

Được phép lái

Tại ngày

(2)

CHÁNH CHỦ KHẢO

SỐ

THU HỒI BẰNG LÁI XE	
Từ _____ đến _____	
Lý do _____	U.B.R.B.L.X.V.B. _____
Từ _____ đến _____	
Lý do _____	U.B.R.B.L.X.V.B. _____
Từ _____ đến _____	
Lý do _____	U.B.R.B.L.X.V.B. _____
Từ _____ đến _____	
Lý do _____	U.B.R.B.L.X.V.B. _____

CẢNH CÁO	
Cảnh cáo lần thứ _____	
Lý do _____	U.B.R.B.L.X.V.B. _____
Cảnh cáo lần thứ _____	
Lý do _____	U.B.R.B.L.X.V.B. _____
Cảnh cáo lần thứ _____	
Lý do _____	U.B.R.B.L.X.V.B. _____
Cảnh cáo lần thứ _____	
Lý do _____	U.B.R.B.L.X.V.B. _____

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
BỘ QUỐC- PHÒNG
QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA
BẰNG LÁI QUÂN-XA
CHÚ Ý : Bảng này chỉ có giá trị trong thời gian tại ngũ và chỉ cho phép lái quân-xa.
Trừ khi có ghi chú đặc-biệt ở phía sau, bảng này không cho phép lái những hạng xe sau đây :
1.— Xe chuyên-chở công-cộng.
2.— Xe trọng tải hơn (a) cam không 3.000 ki-lô) b) nay kéo
3.— a) Xe có xích
b) Máy kéo quân-cụ
4.— Xe mô-tô hai bánh.
Nhà chức-trách quân-sự có quyền rút lại bảng này bất cứ lúc nào.
Quân-nhân nào có bảng này có thể làm đơn cho Trưởng Ty Công-Quản tỉnh mình đề đòi lấy bằng lái xe dân-sự đồng hạng nhưng phải trả số phí cho việc cấp bằng này.
Đơn-vị bổ-nhận phải ghi số của bằng lái quân-xa, ngày cấp phát, tên, họ, cấp bậc, số quân của người có bằng, số của những ghi chú gia hiệu.



Ngày 11 tháng 12 năm 1961

SAO X BÀN CHANH

Viện chức vụ

Hội đồng: Hội đồng chức vụ, ngày 22 tháng 11/61

Trước lúc X BÀN CHANH

Tên họ người được cử: LÊ VĂN BÉ

Về chuyên môn: Chưa có hồ sơ: Chưa

Tên họ người đề cử: NGUYỄN THỊ PHUO

Tên họ người cử: LÊ VĂN BÉ

Nơi sinh: Hội đồng chức vụ, ngày 22 tháng 11/61

Chức vụ: Chưa có hồ sơ

Ngày sinh: Chưa có hồ sơ, ngày 22 tháng 11/61

Đã kết hôn: Chưa

Tên họ người cử: LÊ VĂN BÉ

Số hồ sơ: 475/61

Viện chức vụ
Quản lý
Trên địa bàn
Viện chức vụ

Ngày 22 tháng 11 năm 1961

Trước lúc X BÀN CHANH

Xã. Thi trấn Thốt Nốt

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thị xã, quận... Thị trấn

Thành phố, Tỉnh Hải Phòng

BẢN SAO

So 160

GIẤY KHAI SINH

Quyển số 01[illegible]

Họ và tên	LÊ THỊ DIỄM KIỀU		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	08 - 05 - 1986			
Nơi sinh	Thị trấn Thốt Nốt (Hải Giang)			
Khai về cha, mẹ	C H A		M E	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê Văn Bê - Tuấn 38 tuổi		Trần Thị Diệu 31 tuổi	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	Công Nhân		Nồi Hơ	
Nơi KNKK thường trú	Xã Phụng 2, Thị trấn Thốt Nốt, Hải Giang		Xã Phụng 2, Thị trấn Thốt Nốt, Hải Giang	
Họ, tên, tuổi, nơi thường trú số, giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lê Văn Bê - Tuấn, 38 tuổi, Xã Phụng 2, Thị trấn Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt, Hải Giang. CMND Số: 361031806			

NHẬN ~~THỰC~~ SẠO Y BẢN CHÍNH

Ngày 2 tháng 5 năm 86

TM/UBND Thị trấn ký tên đóng dấu

ỦY VIÊN THỦ KÝ

Đăng ký ngày 24 tháng 5 năm 1986

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ja' My

Thân - nung T^ung

Grav minns Örn,

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

GIẤY XÁC NHẬN

Kính gửi:

- Công An Thị Trấn Thốt Nốt

Tôi tên: LÊ VĂN BÉ TỬ, sinh năm 1948,
mình rạc tại số 206, tổ 11, ấp Phụng I, thị trấn
Thốt Nốt, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên trước đây tôi có người vợ tên:
Nguyễn Thị PHÚC và có với người vợ này một đứa
con gái tên LÊ THỊ DIỄM TRẦN, sinh năm 1973
tại Phụng I. Sau đó trong thời gian tôi đi làm
tàu (1975 - 1981) cô ấy đã bỏ đi lấy chồng
Khắc (1977); từ ấy đến nay tôi không còn
gặp lại nữa.

Năm 1985, tôi cưới vợ Khắc tên: TRẦN
THỊ ĐẼU.

Kính xin quý cơ quan xác nhận sự thật
để làm bằng.

Thốt Nốt, ngày 12 tháng 8 năm 1988
Kính xin

th

Lê Văn Bé Tử

Chứng thật

Hiện tại: Nguyên thi Đức là vô
chính thức của Lê Văn Bè Bú
và những lời nêu trên đúng
của đ/s là sự thật

K/c đến qui có quàn để giúp
Đ/s

ngày 15-8-88

T-T TS 11-A-M

Chức vụ

Huy vũ huấn Tru

Khai nhận

Căn cứ theo đơn

Đ/s. Lê Văn Bè Bú thuộc Đ/s

Đ/s H.N.P.E, Công nhân là đúng.

Đ/s đến các giúp đ/s?

H.N.P.E? ngày 14/8/88.

Chứng thật

Theo khai nhận

Của Gtấp Hùng

Đ/s đúng

Nguyễn Văn Tâm

11. Thời Note ngày 15 tháng 8 năm 88

T.M. BCH. CAND

TRƯỞNG CÔNG AN



Trần Văn Tâm

Saigon 29.8.88,

Thưa Ủy Ủy,

Trân trọng kính phục Ủy Ủy
hội của Lê Văn Bé Tư và

- Phạm Huy Hoàng -
Đã học tập tại Trường Sĩ Quan,
Đoàn Xứ L.O.I

- Từ 1985, hai anh em đã đi
ĐDP đi Thái Lan đến nay vẫn chưa
nhận được IV và L.O.I.

Xin Ủy Ủy kindly làm ơn Ủy Ủy rất
nhiều.

Kính,



NG ĐOC AN
249/11B/285 ở bất
Q 10 U-Hoa.

Tại đây, anh cho vợ đi, không hay các
Quân đang lên đánh kỳ đến, anh đi
An; anh có phải ra trại + Trại hay
l. D. I là đánh kỳ.

Anh làm phụ hồ
Thẩm tra, anh vẫn
nhanh, nước đánh

Anh nhất kỳ lại ở đánh Tenor,
từ 10h - 15h - Anh lên cầu và
oát yên đi, anh báo cho anh là
bớt.

ku

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form 9/14/88
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

BNG 9/16/87